

Số: 09 /2026/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2026

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: 5 Ngày: 09/3/2026

THÔNG TƯ

Quy định tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ
và tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, được sửa đổi bởi Luật Giáo dục 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ và tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về tiêu chuẩn của đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam và tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài; trách nhiệm của đơn vị tổ chức thi, đơn vị liên kết tổ chức thi và cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

2. Thông tư này áp dụng với:

a) Các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục khác có hoạt động giáo dục đại học có đào tạo trình độ đại học ngành ngoại ngữ; ngành Văn học, Sư phạm Ngữ văn, tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Ngôn ngữ học, Việt Nam học; các đơn vị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng tiếng Việt cho người nước ngoài;

b) Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ và tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, một số từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ* là các đơn vị tổ chức thi và cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam.
2. *Đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt* là các đơn vị tổ chức thi và cấp chứng chỉ tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.
3. *Đơn vị liên kết tổ chức thi* là các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục khác có hoạt động giáo dục đại học tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài có thỏa thuận hoặc hợp đồng hợp tác với các đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ và/hoặc đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt.

Điều 3. Chứng chỉ ngoại ngữ và chứng chỉ tiếng Việt

1. Chứng chỉ ngoại ngữ được các đơn vị tổ chức thi theo quy định của Thông tư này cấp cho người dự thi đạt yêu cầu tương ứng với Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam là chứng chỉ thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.
2. Chứng chỉ tiếng Việt được các đơn vị tổ chức thi theo quy định của Thông tư này cấp cho người dự thi đạt yêu cầu tương ứng với Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài là chứng chỉ thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.
3. Thời hạn hiệu lực của chứng chỉ ngoại ngữ, chứng chỉ tiếng Việt do cơ quan, đơn vị sử dụng chứng chỉ quyết định tùy theo mục đích, yêu cầu của từng công việc cụ thể.

Điều 4. Tiêu chuẩn đơn vị tổ chức thi

1. Đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ, tiếng Việt phải đáp ứng các tiêu chuẩn nhằm bảo đảm tính khách quan, công bằng, minh bạch, an ninh an toàn và chất lượng của kỳ thi.
2. Tiêu chuẩn của đơn vị tổ chức thi được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.
3. Các tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều này được áp dụng làm căn cứ để đơn vị tổ chức thi tự đánh giá năng lực tổ chức thi và để cơ quan có thẩm quyền thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm theo quy định của pháp luật. Tùy theo mức độ vi phạm của đơn vị tổ chức thi, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ xem xét dừng việc tổ chức thi của các đơn vị hoặc tạm dừng cho đến khi bảo đảm đủ các tiêu chuẩn, tiêu chí và các yêu cầu liên quan theo quy định này.

Điều 5. Trách nhiệm của đơn vị tổ chức thi

1. Xây dựng đề án tổ chức thi theo mẫu tại Phụ lục II của Thông tư này, công khai đề án trên cổng thông tin điện tử của đơn vị mình trước ngày tổ chức thi tối thiểu 60 ngày. Trước khi đăng tải trên cổng thông tin điện tử của đơn vị, các đơn vị gửi đề án về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Cục Quản lý chất lượng) để phục vụ công tác quản lý và công khai danh sách các đơn vị đáp ứng các quy định của Thông tư này để tổ chức thi.

2. Chịu trách nhiệm toàn diện trong công tác tổ chức thi và các nội dung liên quan trước, trong và sau mỗi kỳ thi; tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức thi.

3. Lưu trữ hồ sơ về quá trình tổ chức thi, cấp chứng chỉ ngoại ngữ hoặc chứng chỉ tiếng Việt. Đơn vị tổ chức thi lưu trữ:

a) Vĩnh viễn danh sách thí sinh dự thi, bảng điểm chi tiết, danh sách thí sinh được cấp chứng chỉ;

b) Dữ liệu bài thi, dữ liệu từ các camera giám sát phòng thi, phòng chấm thi, khu vực đặt máy chủ, hồ sơ coi thi, hồ sơ chấm thi, đĩa CD hoặc DVD chứa đề thi và các biên bản xử lý (nếu có) theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

4. Cung cấp các tài liệu liên quan đến việc tổ chức thi, đề thi, cấp chứng chỉ; các minh chứng về việc tổ chức thi an toàn, nghiêm túc khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Tiếp nhận và xử lý các vướng mắc liên quan đến cấp, phát chứng chỉ; các phản ánh, kiến nghị liên quan đến công tác tổ chức thi, cấp chứng chỉ.

6. Thực hiện chế độ báo cáo trước ngày 15 tháng 6 và ngày 15 tháng 12 hằng năm về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Cục Quản lý chất lượng), bao gồm số liệu tổng hợp kết quả tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ hoặc tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo biểu mẫu tại Phụ lục III của Thông tư này.

7. Có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát và duy trì các tiêu chuẩn, tiêu chí và các quy định để tổ chức thi theo đúng quy định của Thông tư này. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về công tác tổ chức thi bao gồm cả trách nhiệm giải trình trước cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về công tác tổ chức thi, chất lượng của kỳ thi.

Điều 6. Trách nhiệm đơn vị liên kết tổ chức thi

1. Đơn vị liên kết tổ chức thi phải bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ nhân sự tham gia công tác coi thi do đơn vị tổ chức thi yêu cầu phục vụ cho việc tổ chức thi đánh giá năng lực theo quy định tại Điều 4 của Thông tư này. Trường hợp đơn vị liên kết tổ chức thi ở nước ngoài, đơn vị này phải có tư cách pháp nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật ở nước sở tại và được cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại công nhận. Kịp thời cung cấp minh chứng có liên quan khi có yêu cầu từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam.

2. Thực hiện nghĩa vụ, quyền hạn theo đúng thỏa thuận hoặc hợp đồng hợp tác trong quá trình liên kết tổ chức thi bảo đảm an ninh, an toàn, chất lượng. Chịu trách nhiệm giải trình trước cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về chất lượng, hiệu quả của việc liên kết tổ chức thi.

3. Đơn vị liên kết tổ chức thi không được cấp chứng chỉ.

Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan quản lý

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo, thực hiện việc kiểm tra hoạt động của các đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ và đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo quy định hiện hành.

2. Đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo được giao nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ các đơn vị tổ chức thi và đánh giá mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí; quy trình, quy định theo Thông tư này; công bố công khai danh sách các đơn vị đáp ứng tiêu chuẩn trên trang thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các đơn vị đang thực hiện tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài theo Thông tư số 27/2021/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày ban hành Thông tư này được phép tiếp tục tổ chức thi và cấp chứng chỉ cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027.

2. Các đơn vị đang thực hiện tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Thông tư số 23/2017/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 9 năm 2017, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 24/2021/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày ban hành Thông tư này được phép tiếp tục tổ chức thi và cấp chứng chỉ cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **15** tháng **4** năm 2026.

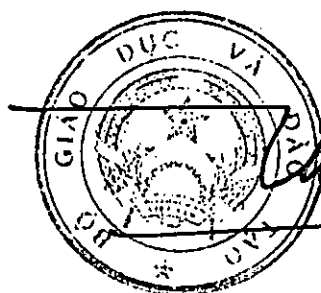
2. Thông tư này thay thế: Thông tư số 27/2021/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài; Thông tư số 23/2017/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; Thông tư số 24/2021/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 9 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 23/2017/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc các sở giáo dục và đào tạo; Giám đốc các đại học, học viện; Hiệu trưởng các trường đại học; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương;
- Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội;
- Hội đồng QGGD và PTNL;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc CP;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Như Điều 9;
- Công báo;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Công TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Cục QLCL.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Ngọc Thương

PHỤ LỤC I



TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ CỦA ĐƠN VỊ TỔ CHỨC THI
 (Kèm theo Thông tư số **09** /2026/TT-BGDDT ngày **26** tháng **02** năm 2026
 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. Tiêu chuẩn 1: Đơn vị tổ chức thi:

Đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ là các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục khác có đào tạo ngành ngoại ngữ trình độ đại học.

Đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt là các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục khác có hoạt động giáo dục đại học có đào tạo trình độ đại học ngành Văn học, tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Việt Nam học, Ngôn ngữ học, Sư phạm Ngữ văn và các đơn vị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng tiếng Việt cho người nước ngoài thực hiện tổ chức thi và cấp chứng chỉ tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

II. Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản trị

1. Tiêu chí 2.1: Đơn vị tổ chức thi ban hành Quy chế về công tác tổ chức thi tại đơn vị mình. Quy chế phải bảo đảm có các thông tin cốt lõi như: quy định về công tác tổ chức, hoạt động và liên kết; công tác tài chính; công tác về công khai thông tin, báo cáo; công tác liên kết tổ chức thi (nếu có). Đơn vị tổ chức thi chịu trách nhiệm bảo đảm Quy chế phù hợp và theo đúng các quy định của pháp luật.

2. Tiêu chí 2.2: Ban hành quy định bảo mật ngân hàng câu hỏi thi, đề thi.

3. Tiêu chí 2.3: Ban hành quy định và quy trình rà soát, kiểm tra đề phòng, chống việc thi thay, thi hộ, bảo đảm các khâu, các bước tổ chức thi an toàn, khách quan, công bằng và nghiêm túc.

III. Tiêu chuẩn 3: Nhân sự

1. Tiêu chí 3.1: Nhân sự chuyên môn để thực hiện ra đề thi, chấm thi phải có: tối thiểu 20 người đối với tiếng Anh; tối thiểu 10 người đối với các ngoại ngữ khác và tiếng Việt.

a) Nhân sự chuyên môn đối với thi đánh giá năng lực ngoại ngữ phải có trình độ tối thiểu bằng thạc sĩ của một trong các ngành/chuyên ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài thuộc nhóm ngành ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài, khoa học giáo dục; được bồi dưỡng, tập huấn về ra đề thi/chấm thi nói và viết; chỉ được thực hiện nhiệm vụ ra đề thi/chấm thi đối với các định dạng đề thi bằng hoặc thấp hơn trình độ ngoại ngữ (bậc) mình đã đạt được.

b) Nhân sự chuyên môn đối với thi đánh giá năng lực tiếng Việt phải có trình độ tối thiểu là thạc sĩ thuộc nhóm ngành ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam hoặc ngành Văn học hoặc ngôn ngữ học hoặc chuyên ngành tiếng Việt và văn hóa Việt Nam hoặc khoa học giáo dục.

2. Tiêu chí 3.2: Có đội ngũ giảng viên, kỹ thuật viên đáp ứng yêu cầu để sử dụng các thiết bị tin học phục vụ cho việc tổ chức thi, coi thi và chấm thi thực hiện nhiệm vụ theo quy định của đơn vị tổ chức thi; có kinh nghiệm tham gia tổ chức các kỳ thi được tổ chức với hình thức thi trên máy tính tối thiểu 03 năm.

Các nhân sự được quy định tại tiêu chí 3.1 và tiêu chí 3.2 của tiêu chuẩn này phải là viên chức được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo quy định của pháp luật về viên chức hoặc người lao động đã được ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 12 tháng trở lên đang làm việc toàn thời gian tại đơn vị tổ chức thi.

IV. Tiêu chuẩn 4: Cơ sở vật chất

1. Tiêu chí 4.1: Các phòng thi phải bảo đảm có đủ ánh sáng, bàn ghế, bảng hoặc màn chiếu; có đồng hồ dùng chung cho tất cả thí sinh theo dõi được thời gian làm bài; hệ thống phòng cháy chữa cháy. Đối với phòng thi tổ chức thi kỹ năng nói trực tiếp trước giám khảo phải có đủ các thiết bị ghi âm, phát âm và ghi hình.

2. Tiêu chí 4.2: Có công tơ hoặc máy quét cầm tay để rà soát vật dụng và trang thiết bị thí sinh được mang vào phòng thi.

3. Tiêu chí 4.3: Có hệ thống máy tính gồm máy chủ, các máy tính cho thí sinh dự thi, thiết bị lưu điện, nguồn điện dự phòng, các thiết bị phụ trợ bảo đảm đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật để tổ chức thi trên máy tính cho ít nhất 100 thí sinh đối với đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ và 30 thí sinh đối với đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt trong một lượt thi.

a) Mỗi phòng thi có số lượng máy tính dự phòng ít nhất bằng 5% tổng số thí sinh trong phòng thi.

b) Máy tính trong phòng thi được bố trí với cự ly phù hợp hoặc được ngăn cách bằng các vách ngăn bảo đảm các thí sinh không nhìn thấy nội dung trên màn hình máy tính của thí sinh khác, có cấu hình tương đương với nhau, bảo đảm hoạt động ổn định, có thiết bị chụp ảnh, tai nghe (headphone) và micro bảo đảm chất lượng, số lượng tai nghe và micro dự phòng bằng ít nhất 10% tổng số thí sinh trong phòng thi.

c) Có thiết bị/giải pháp để bảo đảm an ninh, an toàn cho hệ thống mạng và đề thi (trong trường hợp vận chuyển đề thi qua hệ thống mạng internet).

4. Tiêu chí 4.4: Có hệ thống camera giám sát được toàn bộ diễn biến của quá trình tổ chức thi tại phòng thi, phòng chấm thi, khu vực đặt máy chủ chứa dữ liệu tổ chức thi; màn hình theo dõi hệ thống camera được đặt tại phòng trực thi.

V. Tiêu chuẩn 5: Phần mềm tổ chức thi

1. Tiêu chí 5.1: Có giao diện thân thiện, dễ cài đặt, sử dụng; có khả năng ngắt kết nối với các ứng dụng và thiết bị bên ngoài không liên quan đến nội dung thi. Cho phép thí sinh tự đăng nhập vào phần mềm để làm bài thi bằng tài khoản thi cá nhân.

2. Tiêu chí 5.2: Có các chức năng: chụp ảnh thí sinh và đưa vào dữ liệu thi đối với từng thí sinh; đồng hồ đếm ngược; xem trước câu hỏi tiếp theo, thống kê câu hỏi đã trả lời; tự động chấm điểm bài thi trắc nghiệm; tự động đăng xuất và lưu trữ bài làm, kết quả thi của thí sinh khi hết thời gian làm bài; có chức năng để phục vụ chấm thi kỹ năng nói và viết; có chức năng sao lưu dữ liệu.

VI. Tiêu chuẩn 6: Trang thông tin điện tử phục vụ công tác tổ chức thi

1. Tiêu chí 6.1: Cung cấp thông tin về định dạng đề thi, đề minh họa, công bố danh sách thí sinh vi phạm quy chế thi và bị cấm thi; công bố quy định, quy trình tổ chức thi, thông báo lịch thi và địa điểm thi.

2. Tiêu chí 6.2: Có chức năng để thí sinh đăng ký dự thi, tra cứu kết quả thi.

3. Tiêu chí 6.3: Có chức năng để hỗ trợ các đơn vị sử dụng chứng chỉ trong việc tra cứu và xác minh kết quả thi, chứng chỉ thi của thí sinh. Chức năng tra cứu phải cung cấp được các thông tin sau: Họ và tên thí sinh, ngày sinh, số thẻ căn cước/căn cước công dân/hộ chiếu, ảnh chụp thí sinh khi dự thi, ngày thi, kết quả thi, số hiệu chứng chỉ, bậc đạt được.

VII. Tiêu chuẩn 7: Ngân hàng câu hỏi thi và Đề thi

1. Tiêu chí 7.1: Có ngân hàng câu hỏi thi chuẩn hoá bảo đảm có đủ số lượng câu hỏi thi để tạo ra tối thiểu 70 đề thi đối với tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ và tối thiểu 30 đề thi đối với tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt. Các câu hỏi thi trong ngân hàng câu hỏi thi phải được thử nghiệm (*mẫu tối thiểu là 50 thí sinh*), định cỡ, cân bằng độ khó để bảo đảm độ khó của các Đề thi khi rút ra từ ngân hàng là tương đương nhau. Các tham số kỹ thuật của câu hỏi thi/đề thi được phân tích bằng cả lý thuyết khảo thí cổ điển và hiện đại.

2. Tiêu chí 7.2: Đề thi của mỗi lần thi được rút ngẫu nhiên từ ngân hàng câu hỏi thi; Đề thi phải theo đúng định dạng đề thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam và Khung năng lực tiếng Việt dùng

cho người nước ngoài do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Để bảo đảm việc rút câu hỏi thi là ngẫu nhiên và khách quan, chỉ thực hiện rút ngẫu nhiên từ ngân hàng câu hỏi thi để tạo đề thi khi có đủ câu hỏi thi để tạo ra tối thiểu 20 đề thi.

3. Tiêu chí 7.3: Trong cùng một lần thi, mỗi thí sinh trong phòng thi có một mã đề thi riêng; các thí sinh ngồi cạnh nhau theo hàng ngang không trùng nhau về nội dung và câu hỏi thi. Các câu hỏi thi đã sử dụng chỉ được dùng lại sau tối thiểu 12 tháng. Đề thi của mỗi lần thi phải được lưu ra đĩa CD hoặc DVD dưới dạng mã hóa và được niêm phong và lập biên bản với sự chứng kiến của lãnh đạo Hội đồng, thư ký và giám sát. Đĩa CD hoặc DVD chỉ được mở niêm phong và giải mã dữ liệu khi có yêu cầu của cơ quan quản lý.

4. Tiêu chí 7.4: Trước ngày 31/12 hằng năm, phải bổ sung đề thi vào ngân hàng câu hỏi thi và bảo đảm số lượng đề thi để sử dụng cho năm tiếp theo tối thiểu là 70 đề thi đối với đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ và tối thiểu 30 đề thi đối với đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt (không tính đề thi đã tổ chức thi khi chưa được dùng lại theo quy định tại tiêu chí 7.3). Các đơn vị tổ chức thi có thể dùng chung ngân hàng câu hỏi thi, đề thi. Khi dùng chung ngân hàng câu hỏi thi, các đơn vị phải có thỏa thuận hoặc hợp đồng để bảo đảm bảo mật, an ninh, an toàn, không để lộ lọt, mất đề thi theo đúng chức trách, nhiệm vụ được giao.

PHỤ LỤC II**MẪU ĐỀ ÁN**

TỔ CHỨC THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ/TIẾNG VIỆT
(Kèm theo Thông tư số 09 /2026/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 02 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. Tên Đề án:

**ĐỀ ÁN TỔ CHỨC THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ THEO
KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ DÙNG CHO VIỆT NAM**

Hoặc

**ĐỀ ÁN TỔ CHỨC THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT THEO
KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI**

II. Nội dung Đề án:

1. Giới thiệu về đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ/tiếng Việt

1.1.

1.2.

...

2. Tổ chức và quản trị tổ chức thi

3. Cơ sở vật chất tổ chức thi

4. Phần mềm tổ chức thi

5. Trang thông tin điện tử phục vụ công tác tổ chức thi

6. Đề thi, ngân hàng câu hỏi thi

7. Quy định tổ chức thi: quyền hạn trách nhiệm của những người tham gia tổ chức thi, những người dự thi.

8. Quy trình tổ chức thi: trong đó cần nêu rõ quy trình chuẩn bị thi, quy trình coi thi, quy trình chấm thi, phúc khảo.

9. Các biểu mẫu thông báo: lịch thi (bao gồm thời gian, địa điểm về việc tổ chức thi, đề thi mẫu; lệ phí thi, các loại lệ phí khác (nếu có); cách thức tra cứu kết quả thi; số điện thoại, email, đường dây nóng (nếu có) để tiếp nhận, xử lý các vấn đề liên quan, bảo đảm quyền lợi, lợi ích của người dự thi.

10. Phụ lục:

cung cấp các hồ sơ minh chứng về năng lực, kinh nghiệm đào tạo và tổ chức thi ngoại ngữ của cơ sở; minh chứng về điều kiện cơ sở vật chất, quy định và quy trình tổ chức thi, phần mềm tổ chức thi, trang thông tin điện tử,

PHỤ LỤC III
MẪU BÁO CÁO

(Kèm theo Thông tư số **09** /2026/TT-BGDĐT ngày **16** tháng **02** năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TÊN CƠ QUAN GỬI BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ TỔ CHỨC THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ/TIẾNG VIỆT

(Kèm theo báo cáo số ngày .../.../... của)

STT	Tên địa điểm tổ chức	Địa chỉ tổ chức	Môn ngoại ngữ (*)	Đợt thi (Ngày tổ chức thi)	Tổng số thí sinh dự thi	Tổng số thí sinh vi phạm quy chế	% Số lượng chứng chỉ đã cấp					Tổng số thí sinh được cấp chứng chỉ	Tỷ lệ cấp chứng chỉ %	Ghi chú
							Bậc ...	Bậc	Bậc ...	Bậc ..	Bậc ...			
1														
2														

(*) Đối với đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt không cần cột này.

....., ngày tháng năm.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ĐƠN VỊ
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)